

Biểu phí Quản lý dòng tiền

Hiệu lực từ ngày 15.01.2025

1.0 Phí dịch vụ tài khoản

Phí	Chi tiết	Mức phí	
		Tài khoản VND	Tài khoản FCY ¹
Mở Tài khoản ^(A)	Tài khoản thanh toán (TKTT)	Miễn phí	Miễn phí
	Tài khoản đặc biệt ^(B)	500.000 VND/TK	20 USD/TK
	Tài khoản Vốn	500.000 VND/TK	20 USD/TK
	Tài khoản Escrow	500.000 VND/TK	20 USD/TK
	Tài khoản chung	500.000 VND/TK	20 USD/TK
	Tài khoản số đẹp	2.000.000 VND/TK	100 USD/TK
Quản lý Tài khoản	Tài khoản thanh toán ^(C) (không thu phí này nếu SDBQ ² tháng đạt từ trên 50 triệu VND/2000 USD)	50.000 VND/TK/Tháng	2 USD/TK/Tháng
	Tài khoản đặc biệt ^(B)	500.000 VND/TK/Tháng	20 USD/TK/Tháng
	Tài khoản Vốn	500.000 VND/TK/Tháng	20 USD/TK/Tháng
	Tài khoản Escrow	5.000.000 VND/TK/Tháng	250 USD/TK/Tháng
	Tài khoản chung	500.000 VND/TK/Tháng	20 USD/TK/Tháng
Tạm khóa/Phong tỏa Tài khoản	Theo yêu cầu KH	100.000 VND/TK/Lần	5 USD/TK/Lần
	Theo yêu cầu của bên thứ 3	100.000 VND/TK/Lần	5 USD/TK/Lần
Đóng Tài khoản	Tài khoản mở dưới 12 tháng	100.000 VND/TK	5 USD/TK
	Tài khoản mở trên 12 tháng	Miễn phí	Miễn phí
Xác nhận thông tin theo yêu cầu KH	Xác nhận số dư	100.000 VND/bản	5 USD/bản
	Xác nhận ký quỹ	200.000 VND/bản	10 USD/bản
	Xác nhận khác	100.000 VND/Lần	5 USD/Lần
Sao kê/ Sổ phụ tài khoản/ Giấy báo Nợ, Có	Cấp sổ phụ định kỳ ^(D)	100.000 VND/TK/Tháng	5 USD/TK/Tháng
	Cấp giấy báo Nợ, Có hàng ngày (ngoài sổ phụ định kỳ)	Miễn phí /1 lần/ngày	Miễn phí /1 lần/ngày
	Theo yêu cầu khác	50.000 VND/Lần	2 USD/Lần

¹ Tài khoản ngoại tệ

² SDQB tháng: Số dư bình quân tháng là tổng số dư cuối ngày của TKTT của KH ÷ (chia cho) số ngày của tháng đó

Phí	Chi tiết	Mức phí	
		Tài khoản VND	Tài khoản FCY ¹
	Gửi đến địa chỉ theo yêu cầu của KH	50.000 VND/Lần + bưu phí ^(E)	2 USD/Lần + bưu phí ^(E)
	Cấp bản mềm qua email theo yêu cầu của KH ³	100.000 VND/TK/Tháng	5 USD/TK/Tháng
Sao lục chứng từ	Chứng từ phát sinh trong vòng 03 tháng	10.000 VND/Trang	n/a
	Chứng từ phát sinh từ trên 3 tháng tháng đến 01 năm	20.000 VND/Trang	n/a
	Chứng từ phát sinh trên 01 năm	50.000 VND/Trang	n/a
Giao dịch qua Fax, Email	Đăng ký dịch vụ	Miễn phí	Miễn phí
	Duy trì & sử dụng dịch vụ ³	200.000 VND/Tháng	10 USD/Tháng
	Chậm bổ sung chứng từ ³	100.000 VND/Lần	5 USD/Lần
Giao dịch Giấy tờ có giá (GTCCG)	Thông báo mất/giám định/xác nhận GTCCG VIB	100.000 VND/GTCCG	5 USD/GTCCG
	Xác nhận chuyển nhượng GTCCG VIB	0.01% * Giá trị GTCCG Min: 500.000 VND Max: 20.000.000 VND	0.01% * Giá trị GTCCG Min: 20 USD Max: 500 USD
Sử dụng Séc	Cung ứng Séc trắng & các phương tiện thanh toán	50.000 VND/Quyển	2 USD/Quyển
	Xử lý (thông báo) séc không đủ khả năng thanh toán/ Bảo chi séc/ Thu hộ séc do NH trong nước phát hành	50.000 VND/Tờ/Lần	n/a
Quản lý thanh khoản	Tập trung tiền thực tế ⁴ (Physical sweep)		
	Đăng ký dịch vụ ³	500.000 VND/Lần	20 USD/Lần
	Thay đổi dịch vụ ³	200.000 VND/Lần	10 USD/Lần
	Duy trì dịch vụ ³	Thỏa thuận, Min: 500.000 VND/Tháng	Thỏa thuận, Min: 25 USD/Tháng

³ Ngày thu phí được xác định theo thứ tự ưu tiên là (i) ngày thu phí định kỳ theo thỏa thuận dịch vụ với KH, hoặc (ii) ngày 25 dương lịch hàng tháng.

⁴ Là dịch vụ dành cho KHDN/nhóm KHDN có TKTT tại VIB và có nhu cầu kết chuyển tập trung vốn về một tài khoản để quản lý và sử dụng nguồn tiền hiệu quả. Dịch vụ cung cấp theo mô hình 01 tài khoản trung tâm và các tài khoản thành viên, cho phép điều chuyển tiền dưới hình thức tập trung tiền từ nhiều tài khoản thành viên về tài khoản trung tâm hoặc ngược lại. KH có thể đăng ký kết chuyển toàn bộ số dư và/hoặc kết chuyển theo tỷ lệ số tiền quét từ tài khoản thành viên lên tài khoản trung tâm dựa trên số dư tài khoản thành viên trong ngày (sau khi đã trừ số dư tối thiểu) hoặc theo thỏa thuận khác giữa VIB và KH.

2.0 Phí dịch vụ tiền mặt và ngân quỹ

Phí	Chi tiết	Mức phí	
		Tài khoản VND	Tài khoản FCY
Nộp tiền mặt tại quầy VIB (Áp dụng với người nộp tiền mặt là cá nhân, tổ chức nộp tiền vào TKTT của tổ chức tại quầy VIB)	Cùng Tỉnh/Thành phố nơi mở Tài khoản	Miễn phí	0.2% * Số tiền Min: 2 USD Max: 100 USD
	Khác Tỉnh/Thành phố nơi mở Tài khoản ^(F)	0.03% * Số tiền Min: 20.000 VND Max: 2.000.000 VND	0.3% * Số tiền Min: 2 USD Max: 100 USD
Rút tiền mặt tại quầy VIB (kể cả rút bằng séc)	Cùng Tỉnh/Thành phố nơi mở Tài khoản	Miễn phí	0.2% * Số tiền Min: 2 USD Max: 100 USD
	Khác Tỉnh/Thành phố nơi mở Tài khoản ^(F)	0.03% * Số tiền Min: 20.000 VND Max: 2.000.000 VND	0.2% * Số tiền Min: 2 USD Max: 100 USD
	Nhận chuyển khoản từ ngân hàng khác và rút tiền mặt ngay trong ngày (Số tiền rút lớn hơn 1 tỷ đồng tại một thời điểm, thu phí trên phần vượt hơn 1 tỷ đồng) ^(G)	0.03% * Số tiền Min: 500.000 VND Max: 1.000.000 VND	0.03% * Số tiền Min: 20 USD Max: 50 USD
Kiểm đếm tiền mặt	Kiểm đếm theo yêu cầu của khách hàng	0.05% * Số tiền Min: 100.000 VND Max: 5.000.000 VND	0.5% * Số tiền Min: 5 USD Max: 250 USD
Thu hộ tiền mặt tại địa điểm KH yêu cầu ^{(H), (I)}		0.1% * Số tiền Min: 1.000.000 VND	0.1% * Số tiền Min: 50 USD
Chi hộ tiền mặt tại địa điểm KH yêu cầu ^{(H), (I)}		0.2% * Số tiền Min: 1.000.000 VND	0.2% * Số tiền Min: 50 USD
Nộp tiền tại quầy VIB đặt tại VP KH		Thỏa thuận	Thỏa thuận
Đổi tiền mặt không đủ tiêu chuẩn lưu thông ^(J)		Không thu phí	Không thu phí

3.0 Phí dịch vụ chuyển tiền tại quầy

Phí	Chi tiết		Mức phí	
			Tài khoản VND	Tài khoản FCY
Chuyển tiền trong hệ thống VIB	Cùng Tỉnh/Thành phố nơi mở Tài khoản		Miễn phí	Miễn phí
	Khác Tỉnh/Thành phố nơi mở Tài khoản ^(F) ^(K)	Chuyển đến tài khoản người thụ hưởng	10.000 VND/Lần	1 USD/Lần
		Chuyển đến TK trung gian cho người thụ hưởng nhận bằng CCCD/CMND/ hộ chiếu	0,03% * Số tiền Min: 20.000 VND Max: 500.000 VND	0.03% * Số tiền Min: 3 USD Max: 30 USD
	Chuyển tiền theo danh sách, lô		3.000 VND/Món Min: 100.000 VND/lô giao dịch	0.3 USD/Món Min: 10 USD/lô giao dịch
	Phí sửa đổi/tra soát/ hủy lệnh chuyển tiền		20.000 VND/Lần	2 USD/Lần
Chuyển tiền trong nước, ngoài hệ thống VIB	Chuyển khoản VND	Giá trị giao dịch < 500 triệu VND, nhận lệnh trước 15h	20.000 VND/Lần	n/a
		Giá trị giao dịch ≥ 500 triệu VND, nhận lệnh trước 15h	0.03% * Số tiền Min: 150.000 VND Max: 1.000.000 VND	n/a
		Giao dịch nhận lệnh sau 15h	0.05% * Số tiền Min: 50.000 VND Max: 1.000.000 VND	n/a
Trong nước, ngoài hệ thống VIB	Chuyển khoản VND	Chuyển tiền nhanh 247 ⁵	30.000 VND/Lần	n/a
	Chuyển khoản FCY	Cùng tỉnh, thành phố nơi mở Tài khoản	n/a	0.03% * Số tiền Min: 10 USD Max: 50 USD
		Khác tỉnh, thành phố nơi mở Tài khoản ^(F)	n/a	0.05% * Số tiền Min: 10 USD Max: 50 USD
	Chuyển tiền theo danh sách, lô		Phí dịch vụ chuyển tiền trong nước,	Phí dịch vụ chuyển tiền trong nước, ngoài hệ thống VIB tại quầy

⁵ Hạn mức giao dịch: Tối đa 499.999.999 đồng/giao dịch và có thể thay đổi theo quy định của VIB nhưng không vượt quá hạn mức tối đa do NAPAS quy định từng thời kỳ

Phí	Chi tiết		Mức phí	
			Tài khoản VND	Tài khoản FCY
			ngoài hệ thống VIB tại quầy	
	Phí sửa đổi/tra soát/ hủy lệnh chuyển tiền		30.000 VND/Lần	5 USD/Lần
Chuyển tiền nước ngoài	Chuyển tiền đi bằng ngoại tệ chuyển đổi		n/a	0.2% * Số tiền (+ Điện phí), Min: 10 USD, Max: 500 USD
	Phí ngân hàng trung gian nếu người chuyển tiền chịu		n/a	30 USD/Món
	Chậm bổ sung chứng từ		n/a	0.05% * Số tiền chậm bổ sung chứng từ
	Điện phí		n/a	10 USD/Điện
Chuyển tiền nước ngoài	Phí sửa đổi/tra soát/ hủy lệnh chuyển tiền		n/a	10 USD/Món + Điện phí + Phí NHNN thu (nếu có)
Chuyển tiền theo lịch định kỳ	Đăng ký/thay đổi dịch vụ		200.000 VND/Lần	10 USD/Lần
	Thanh toán theo lịch		Phí giao dịch chuyển tiền tại quầy	Phí giao dịch chuyển tiền tại quầy

Lưu ý (1):

- (A) Số dư tối thiểu bắt buộc duy trì trên tài khoản của KH tại VIB: 1.000.000 VND với tài khoản VND/ 100 USD (ngoại tệ quy đổi) với tài khoản FCY.
- (B) Tài khoản đặc biệt là TKTT được Người đại diện hợp pháp đề nghị VIB quản lý đặc biệt như có tính năng thấu chi, hoặc có yêu cầu đặc biệt khác.
- (C) Các trường hợp mở mới TKTT: Miễn phí Quản lý tài khoản - Tài khoản thanh toán (mã phí M16) cho tháng mở tài khoản.
- (D) Chỉ thu phí cấp sổ phụ định kỳ với trường hợp KH nhận bản cứng.
- (E) Phí dịch vụ bưu phẩm, chuyển phát nhanh, fax, telex, phí do bên thứ ba cung cấp dịch vụ, chi phí ngân hàng trung gian, các phí phát sinh khác (nếu có) sẽ được thu thêm theo thực tế phát sinh trên cơ sở thông báo của bên cung cấp dịch vụ hoặc thỏa thuận về phí với khách hàng
- (F) Việc phân định các giao dịch thực hiện khác tỉnh/ thành phố tuân theo quy định thu phí giao dịch của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam bao gồm:
 - Đơn vị nhận lệnh giao dịch không nằm trên cùng địa bàn tỉnh/ thành phố với Đơn vị thực hiện lệnh giao dịch; và/ hoặc

- Đơn vị nhận lệnh giao dịch không nằm trên cùng địa bàn tỉnh/ thành phố với Đơn vị mở tài khoản của Khách hàng
 - Tỉnh/ thành phố được xác định theo quy định về ranh giới hành chính quốc gia
- (G) Trường hợp khách hàng nhận chuyển khoản từ ngân hàng khác và rút tiền mặt ngay trong ngày, đồng thời rút Khác Tỉnh/Thành phố nơi mở Tài khoản thì chỉ thu 01 loại phí Rút tiền mặt Khác Tỉnh/Thành phố nơi mở Tài khoản.
- (H) Hệ số điều chỉnh phí thu/ nộp tiền mặt/chi tiền mặt ngoài giờ làm việc so với mức phí cơ sở như sau:
- | | |
|--------------------|-------|
| Thời gian phục vụ | Hệ số |
| Ngoài giờ làm việc | 1.5 |
| Ngày nghỉ | 2.0 |
| Ngày lễ, Tết | 3.0 |
- (I) Hệ số điều chỉnh phí thu/ nộp tiền mặt/chi tiền mặt tại địa bàn KH yêu cầu so với mức phí cơ sở như sau:
- | | |
|------------------|---------------------|
| Khoảng cách | Hệ số |
| Dưới 10km | 1 |
| Từ 10km đến 30km | 1.5 |
| Trên 30km | Thỏa thuận, Min 2.0 |
- (J) Đối tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông với các điều kiện cụ thể như sau:
- Đối với tiền rách nát, hư hỏng do quá trình lưu thông (nhóm nguyên nhân khách quan): Tiền giấy bị thay đổi màu sắc, mờ nhạt hình ảnh hoa văn, chữ, số; nhàu, nát, nhòe, bẩn, cũ; rách rời hay liền mảnh được can dán lại nhưng còn nguyên tờ tiền
 - Đối với tiền rách nát, hư hỏng do quá trình bảo quản (nhóm nguyên nhân chủ quan): Tiền giấy bị thủng lỗ, rách mất một phần; tiền được can dán; cháy hoặc biến dạng do tiếp xúc với nguồn nhiệt cao; giấy in, màu sắc, đặc điểm kỹ thuật bảo an của đồng tiền bị biến đổi do tác động của hóa chất (như chất tẩy rửa, axit, chất ăn mòn...); viết, vẽ, tẩy xóa; đồng tiền bị mục hoặc biến dạng bởi các lý do khác nhưng không do hành vi hủy hoại. Cụ thể VIB chỉ nhận đối tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông thuộc nhóm nguyên nhân chủ quan nếu thỏa mãn các điều kiện:
 - i. Tiền rách nát, hư hỏng không phải do hành vi hủy hoại
 - ii. Trường hợp tờ tiền bị cháy, thủng, rách mất một phần thì diện tích còn lại phải bằng hoặc lớn hơn 60% so với diện tích tờ tiền cùng loại; nếu được can dán thì phải có diện tích tối thiểu bằng 90% so với diện tích tờ tiền cùng loại và đảm bảo nguyên gốc, nguyên bố cục một tờ tiền (mặt trước, mặt sau; trên, dưới; bên phải, bên trái), đồng thời nhận biết được các yếu tố bảo an như sau: yếu tố hình ẩn trong cửa sổ nhỏ, mực không màu phát quang, phát quang hàng số sêri, dây bảo hiểm, yếu tố IRIODIN, chân dung Chủ tịch Hồ Chí Minh;
 - iii. Đối với tiền polymer bị cháy hoặc biến dạng co nhỏ lại do tiếp xúc với nguồn nhiệt cao, thì diện tích còn lại tối thiểu phải bằng 30% so với diện tích tờ tiền cùng loại và còn giữ nguyên bố cục một tờ tiền, đồng thời nhận biết được ít nhất hai trong các yếu tố bảo an như nêu trên

- Tiền bị lỗi kỹ thuật do quá trình in, đúc của nhà sản xuất như giấy in bị gấp nếp làm mất hình ảnh hoặc mất màu in, lấm bẩn mực in và các lỗi khác trong khâu in
- (K) Không áp dụng đối với các trường hợp chuyển tiền thanh toán hóa đơn tiền điện, nước, viễn thông cho công ty có hợp tác thu hộ với VIB.

Lưu ý (2):

1. Các mức phí quy định trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT). VIB sẽ tính thuế VAT đối với các khoản mục phí thuộc đối tượng chịu thuế VAT theo quy định pháp luật hiện hành.
2. Phí được tính bằng VND hoặc ngoại tệ tương đương theo tỷ giá do VIB công bố tại thời điểm thu phí.
3. Các giao dịch liên quan đến việc sử dụng ngoại tệ tuân thủ theo quy định Quản lý ngoại hối hiện hành của Việt Nam và quy định nội bộ của VIB.
4. Trường hợp khách hàng yêu cầu hủy bỏ giao dịch hoặc giao dịch không được thực hiện vì sai sót, sự cố không phải do lỗi của VIB gây ra, VIB không hoàn lại phí dịch vụ và các chi phí khác đã thu.
5. Biểu phí này được phép thay đổi mà không cần có sự báo trước của VIB, trừ khi VIB và khách hàng có thỏa thuận khác.
6. Các nội dung khác được quy định theo hướng dẫn của VIB trong từng thời kỳ.